

VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN TRONG KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA CƯ DÂN VEN BIỂN HUYỆN NGHĨA HƯNG, TỈNH NAM ĐỊNH

Nguyễn Thị Hòa

Viện Địa lí nhân văn

Tóm tắt: Huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định có diện tích tự nhiên 254,6km², địa hình bằng phẳng, khí hậu mát mẻ quanh năm. Huyện có 12km đường bờ biển, chạy dọc theo bờ biển là hàng trăm héc ta cối, hàng nghìn héc ta sú vẹt, đầm nuôi trồng hải sản và 50 ha đồng muối. Đất đai phì nhiêu màu mỡ, chế độ nhật triều là một ưu thế trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Với những đặc điểm như vậy, có thể thấy, sinh kế của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng phụ thuộc rất nhiều vào môi trường tự nhiên. Những hoạt động sinh kế của cư dân ven biển có thể kể đến như: nông nghiệp, diêm nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy sản đã góp phần đảm bảo an ninh lương thực và phát triển kinh tế cho địa phương. Thông qua hoạt động sinh kế của cư dân ven biển Nghĩa Hưng, chúng ta có thể thấy được văn hóa ứng xử của người dân với môi trường tự nhiên ven biển nơi đây. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả nghiên cứu thực trạng khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS), thực trạng văn hóa ứng xử thể hiện trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên và đề xuất một số giải pháp định hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

Từ khóa: Văn hóa ứng xử, môi trường tự nhiên, khai thác và nuôi trồng thủy sản, huyện Nghĩa Hưng.

Nhận bài ngày 13.7.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.8.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hoà; Email: nguyenhua.iesd@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016-2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tài nguyên biển đang bị khai thác quá mức và thiếu tính bền vững. Ước tính có tới 40-60% cỏ biển, 70% rừng ngập mặn trên toàn vùng biển nước ta đã biến mất và khoảng 11% các rạn san hô đã bị phá hủy hoàn toàn, không có khả năng tự phục hồi. Kết quả nghiên cứu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) cũng chỉ ra rằng, khoảng 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài khơi của Việt Nam đã bị khai thác và hơn 25% lượng các bị khai thác quá mức hoặc cạn kiệt, sản lượng đánh bắt giảm đáng kể, nhiều loại sinh vật biển khác đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Điều này đang đóng

lên một hồi chuông báo động về sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ven biển, bảo vệ môi trường biển và có kế hoạch khai thác, nuôi trồng thủy sản một cách hợp lý hơn để giữ lấy sự cân bằng cho hệ sinh thái ven biển. Qua đây cũng cho thấy vai trò của văn hóa ứng xử đối với môi trường tự nhiên thông qua hoạt động sinh kế của cư dân ven biển là vấn đề quan trọng, cần được quan tâm nghiên cứu.

Nghĩa Hưng là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Nam Định. Diện tích tự nhiên của Nghĩa Hưng là 258,89km², dân số 175.786 người (theo dữ liệu điều tra dân số năm 2019 của Tổng cục thống kê). Địa hình của huyện bằng phẳng, thoải dần từ Bắc xuống Nam, ¾ chu vi là sông lớn và biển bao bọc với 119km đê ngăn lũ và đê biển. Huyện có 12km đường bờ biển với hàng trăm hecta còi, hàng nghìn hecta sú vẹt, đầm nuôi trồng thủy sản và 50 hecta đồng muối. Khí hậu nhiệt đới gió mùa quanh năm thoáng mát. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu với chế độ nhật triều là ưu thế trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Với 25/25 xã, thị trấn được UBND tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2017, huyện Nghĩa Hưng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành sớm hơn 2 năm so với mục tiêu. Huyện đã và đang chuyển trọng tâm sang xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu¹. Trong bối cảnh chung về khủng hoảng kinh tế hiện nay và sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu mang lại, sinh kế của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức để phát triển bền vững do sức ép về dân số và các hoạt động khai thác quá mức làm sụt giảm tài nguyên thiên nhiên từ biển. Phát triển sinh kế gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên từ biển là một yêu cầu cấp bách để phát triển bền vững địa phương. Bài viết dưới đây đưa ra thực trạng khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS), thực trạng văn hóa ứng xử thể hiện trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên và đề xuất một số giải pháp định hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài viết sử dụng các tài liệu, số liệu được lấy từ các bài viết, các công trình nghiên cứu, Niên giám thống kê của tỉnh Nam Định, huyện Nghĩa Hưng và các báo cáo do địa phương cung cấp trong quá trình đi khảo sát thực tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tiến hành phân tích, tổng hợp các nội dung liên quan đến thực trạng văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Song song với đó là phương pháp xử lý số liệu sơ cấp thu thập được trong quá trình khảo sát thực địa. Khảo sát được

¹ Công thông tin điện tử huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; Truy cập ngày 30/4/2023 tại địa chỉ: <https://nghiahung.namdinh.gov.vn/gioi-thieu>

thực hiện trên 120 khách thể có hoạt động sinh kế là khai thác và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn nghiên cứu. Số liệu thu được được nhập và xử lý trên phần mềm SPSS 20.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng khai thác và nuôi trồng thủy sản ở huyện Nghĩa Hưng

Nghĩa Hưng là huyện có bờ biển và diện tích nuôi trồng thủy sản lớn nhất của tỉnh Nam Định. Trong những năm gần đây, Nghĩa Hưng đã phát huy tốt tiềm năng, đưa lĩnh vực thủy sản trở thành mũi nhọn về kinh tế biển, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân vùng ven biển. Kinh tế biển được huyện tập trung phát triển theo hướng đồng bộ, có trọng tâm vào những lĩnh vực có lợi thế như: khai thác tài nguyên biển, vùng ven biển, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Năm 2022, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên toàn huyện là 1.845 ha. Sản lượng thủy sản ước đạt 33.540 tấn, trong đó nuôi trồng 20.000 tấn, khai thác 13.540 tấn². Năm 2021, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên toàn huyện là 2.420 ha. Sản lượng thủy sản đạt 41.890 tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó nuôi trồng là 23.440 tấn, khai thác 18.450 tấn³. Thường xuyên theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của các đối tượng nuôi, tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật cho các hộ nuôi; củng cố duy trì hoạt động các tổ tự quản NTTS và liên kết, phối hợp trong công tác điều tiết tưới tiêu nước, kiểm soát môi trường, phân tích mẫu bệnh phẩm để có khuyến cáo kịp thời. Về khai thác, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid19, ngư trường khai thác có nhiều biến động, giá dầu tăng cao nên số ngày bám biển của ngư dân thấp hơn so với năm trước. Năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên toàn huyện là 2.450 ha. Sản lượng thủy sản ước đạt 42.750 tấn, đạt 107% so với cùng kỳ, trong đó; nuôi trồng là 22.160 tấn, khai thác 20.590 tấn; giá trị sản lượng đạt 1.106,8 tỷ đồng, đạt 105% so với cùng kỳ⁴ (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích NTTS và sản lượng thủy sản của huyện Nghĩa Hưng qua các năm

Năm	Tổng diện tích NTTS (ha)	Tổng sản lượng thủy sản (tấn)	Sản lượng nuôi trồng (tấn)	Sản lượng khai thác (tấn)
2020	2.450	42.750	22.160	20.590
2021	2.420	41.890	23.440	18.450
2022	1.845	33.540	20.000	13.540

(Nguồn: Báo cáo phát triển Kinh tế - xã hội của huyện các năm 2020, 2021, 2022)

Có thể thấy, tổng diện tích NTTS những năm gần đây có xu hướng giảm rõ rệt. Năm 2020, tổng diện tích NTTS là 2.450 ha, đến năm 2022, tổng diện tích NTTS chỉ còn 1.845 ha. Kéo

² UBND huyện Nghĩa Hưng (2022), Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 14/12/2022 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023.

³ UBND huyện Nghĩa Hưng (2021), Báo cáo số 398/BC-UBND ngày 14/12/2021 về Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022.

⁴ UBND huyện Nghĩa Hưng (2020), Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 15/9/2020 về Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021.

theo đó là sản lượng nuôi trồng thủy sản cũng giảm từ 22.160 tấn năm 2020 xuống còn 20.000 tấn năm 2022. Tuy nhiên, năm 2021 lại đánh dấu sự gia tăng của sản lượng NTTS 1.280 tấn so với năm 2020 mặc dù tổng diện tích NTTS giảm 30 ha. Sản lượng khai thác tự nhiên qua các năm cũng giảm từ 20.590 tấn năm 2020 xuống còn 13.540 tấn năm 2022. Điều này cho thấy chủ trương giảm đánh bắt, khai thác tự nhiên của chính quyền địa phương đã được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả.

3.2. Văn hóa ứng xử thể hiện trong hoạt động tận dụng và thích ứng với môi trường tự nhiên

Đối với những người dân sinh sống ở ven biển thì tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định sinh kế và sự phát triển kinh tế của các gia đình ở đây. Kết quả khảo sát người dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cho thấy, có tới 95% người trả lời tham gia khảo sát cho rằng tài nguyên thiên nhiên ven biển có vai trò rất quan trọng, 5% còn lại cho rằng khá quan trọng và không có ai cho rằng tài nguyên thiên nhiên ven biển là không quan trọng. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy điều đó.

“Điều kiện tự nhiên giữ vai trò rất quan trọng, quyết định đến sinh kế của hộ gia đình tôi. Do ngao nuôi hoàn toàn tự nhiên và nước phải sạch nên nếu môi trường bị ô nhiễm sẽ làm ngao bị chết, thất thu, ảnh hưởng đến sản xuất thu hoạch ngao, thu nhập giảm. Trong 10 năm qua, điều kiện môi trường có nhiều thay đổi, nhất là khi các nhà máy công nghiệp được xây dựng, chất thải đổ thẳng ra biển và ven biển không qua xử lý nên gây ô nhiễm môi trường, ngao bị chết không thả nuôi được” (PVS nữ, 51 tuổi, khai thác thủy sản).

Trong số những người tham gia khảo sát có 86,7% trả lời rằng gia đình có khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên, 13,3% cho rằng gia đình mình không sử dụng. Tuy nhiên trên thực tế thì 100% các hộ gia đình tham gia khảo sát đều có hoạt động sinh kế là khai thác hoặc nuôi trồng thủy sản. Điều này cho thấy nhận thức của 13,3% người trả lời cho rằng không khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên là chưa hoàn toàn chính xác.

Những nguồn tài nguyên thiên nhiên ven biển các hộ gia đình đang khai thác/sử dụng bao gồm: đất đai (đồng ruộng, bãi bồi, bãi triều ven biển); nguồn nước (sông, hồ, đầm, kênh rạch...); rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước (lầy cùi, nuôi tôm...); nguồn lợi thủy sản (cá, tôm...). Kết quả thu được cho thấy, tỷ lệ các hộ gia đình khai thác/sử dụng tài nguyên “Nguồn lợi thủy sản” là cao nhất, chiếm 58,7%; khai thác/sử dụng “Đất đai” chiếm 56,7 %; khai thác/sử dụng “Nguồn nước” chiếm 47,1% và chỉ 1% là khai thác/sử dụng “Rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước” (Bảng 2)

Bảng 2. Thực trạng khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên ven biển (%)

	Tỷ lệ
Có khai thác/sử dụng tài nguyên thiên nhiên ven biển không	
Có	86,7

Không	13,3
<i>Nếu có, đó là những nguồn tài nguyên thiên nhiên nào</i>	
Đất đai	56,7
Nguồn nước	47,1
Rừng ngập mặn và các sinh cảnh đất ngập nước	1
Nguồn lợi thủy sản	58,7

(Nguồn: Khảo sát của đề tài năm 2023)

Nhận thức về trách nhiệm bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên ven biển như: đất, nước, nguồn lợi thủy sản,... kết quả khảo sát cho thấy: có tới 91,7% cho rằng đó là trách nhiệm của cả người dân và chính quyền địa phương; 3,3% cho rằng đó là trách nhiệm của Nhà nước; 2,5% cho rằng đó là trách nhiệm thuộc về chính quyền địa phương và 2,5% cho rằng đó là trách nhiệm thuộc về người dân. Hầu hết người trả lời cho biết vai trò của người dân đối với tài nguyên thiên nhiên ven biển là vừa khai thác, sử dụng, vừa quản lý bảo vệ, chiếm tới 98,3%. Điều này cho thấy nhận thức của người dân ven biển về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ven biển và vai trò, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là tương đối tốt.

Về hành vi thực tế, trong số những người trả lời tham gia khảo sát có NTTS thì có tới khoảng 2/3 không sử dụng thuốc kháng sinh để phòng/chữa bệnh cho thủy sản, chiếm 68,3%; khoảng 1/3 còn lại cho biết có sử dụng thuốc kháng sinh để phòng/chữa bệnh cho thủy sản (Bảng 3). Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, những người dân NTTS giải thích rằng nếu không sử dụng kháng sinh thì vật nuôi sẽ dễ bị bệnh chết hàng loạt gây thiệt hại lớn. Và việc sử dụng kháng sinh nếu tuân thủ đầy đủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian cách ly và liều lượng cũng không gây ra nguy hiểm gì cho người sử dụng và môi trường. Tuy nhiên, hiện tại các sản phẩm thủy sản được bán ra rộng rãi trên thị trường phần lớn chưa qua đánh giá lượng tồn dư kháng sinh trước khi xuất bán. Người dân NTTS cho biết họ nuôi đến đâu bán đến đó không qua kiểm định, chứng nhận ATVSTP và cũng không bị tồn đọng hàng bao giờ.

“Ôi đã nuôi thì phải sử dụng thuốc kháng sinh chứ, nếu không sử dụng tí kháng sinh nào thì khó giữ được đàn qua dịch bệnh lắm. Mình chỉ dùng để phòng hoặc chữa lúc tôm cá bị bệnh hoặc vào đợt dịch bệnh thôi và cũng tuân thủ chặt chẽ hướng dẫn về liều lượng, về cách ly bao nhiêu ngày mới được thu hoạch chứ không phải là dùng bừa bãi. Thế nên là an toàn thôi, không có gì đáng ngại cả” (PVS nam, 54 tuổi, nuôi trồng thủy sản).

Với nỗ lực tăng nhanh sản lượng thủy sản, phần lớn người dân NTTS đang áp dụng mô hình nuôi thâm canh. Tuy nhiên, nhược điểm của hình thức nuôi này là vật nuôi bị ảnh hưởng nhiều bởi môi trường và dịch bệnh gây chết hàng loạt. Nguyên nhân đa số là do vi khuẩn gây ra. Vì thế, để giải quyết tình trạng này người dân lựa chọn sử dụng thuốc kháng sinh và các chế phẩm sinh học, hóa chất để cải tạo môi trường nuôi. Mức độ sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất càng tăng khi mức độ thâm canh càng nhiều. Có nhiều trường hợp người nuôi dùng hóa chất để cải tạo môi trường nhưng không đúng kỹ thuật nên không đạt hiệu quả như mong đợi

nên lại loay hoay đổi loại hóa chất,... Việc sử dụng hóa chất, thuốc kháng sinh một cách bừa bãi trong NTTS có thể gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng như gây độc, biến đổi hệ vi khuẩn của người tiêu dùng hoặc làm cho người tiêu dùng cũng bị kháng thuốc. Việc sử dụng hóa chất để cải tạo môi trường nuôi có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng đất trong ao nuôi và chất lượng nước khi thải ra ngoài môi trường. Đặc biệt là ở những vùng NTTS không có quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước riêng, nước cấp cho vùng NTTS thường dùng chung với hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Nước thải sau nuôi không được xử lý, thải chung vào hệ thống kênh mương làm cho chất lượng nước vùng NTTS bị ô nhiễm, có thể ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt của người dân và dễ dàng làm lây lan dịch bệnh.

Còn đối với những người làm nghề khai thác biển ở ngoài khơi thì kinh nghiệm ông cha để lại đóng một vai trò rất quan trọng. Theo những người này thì trước đây đi biển phải có mùa. Mùa xuân là mùa cá nở, nhiều cá con không nên đi biển. Mùa thu có xoáy biển, cá tụ lại theo xoáy nên chính là mùa đánh bắt cá tốt nhất trong năm. Nếu trời có gió nam thì cũng không nên đi đánh bắt cá. Đó là những kinh nghiệm quý giá của ông cha để lại cho những người dân làm nghề đi biển. Hiện nay, dưới sự phát triển của khoa học công nghệ, người dân không cần phải đi đánh bắt theo mùa nữa mà chỉ không đi khi sóng biển cao từ 1-1,2m trở lên, đó là lúc có bão. Đã có máy dò cá nên người dân chủ động được luồng cá trước khi ra khơi. Phương tiện kỹ thuật hiện đại cũng giúp ngư dân đánh bắt xa bờ, nơi có nhiều tôm cá hơn chứ không chỉ đánh bắt ở gần bờ như trước đây. Chính vì vậy, nếu trước đây có những ngày ra khơi không thu được cá phải quay về thì hiện nay đã ra khơi là thu hoạch được mẻ cá lớn. Về kích thước của lưới bắt cá thì trước đây chủ yếu là đo ước tương đối, hiện nay đã có kích thước chuẩn và rất nhiều loại phù hợp với các loại cá khác nhau. Khoảng cách giữa các mắt lưới được thiết kế gần nhau hơn giúp đánh bắt được nhiều cá hơn.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, khi được hỏi rằng người trả lời có áp dụng biện pháp gì để bảo vệ nguồn lợi tự nhiên như: đất, nước, thủy sản,... hay không thì có 28,3% số người trả lời cho biết là có; 71,7% trả lời rằng không (Bảng 3). Như vậy có thể thấy, phần lớn người dân vẫn đơn thuần là tận dụng nguồn lợi tự nhiên chứ chưa có nhiều hành vi giữ gìn và bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên. Các hành vi được người trả lời cho rằng giữ gìn và bảo vệ các nguồn lợi tự nhiên mới đơn thuần dừng lại ở việc chọn thời điểm lấy nước vào khi thấy nguồn nước đủ sạch (theo cảm quan); đảm bảo đủ thời gian cách ly của thuốc kháng sinh, hóa chất làm sạch ao... mới xuất bán hoặc xả nước ra môi trường; giữ gìn vệ sinh môi trường nói chung... Đối với những người đi đánh bắt cá ngoài khơi thì việc giữ gìn và bảo vệ nguồn cá tự nhiên được cho rằng đã dùng lưới mắt vừa phải đúng theo tiêu chuẩn quy định của địa phương, không sử dụng lưới mắt quá nhỏ để bảo vệ cá bé.

Bảng 3. Hành vi thực tế của người dân ven biển trong khai thác/nuôi trồng thủy sản

	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có sử dụng kháng sinh trong phòng/chữa bệnh cho vật nuôi		

Có	38	31,7
Không	82	68,3
<i>Có áp dụng biện pháp để bảo vệ nguồn lợi tự nhiên (đất, nước, thủy sản...)</i>		
Có	34	28,3
Không	86	71,7

(Nguồn: Khảo sát của đề tài năm 2023)

Như vậy, có thể thấy rằng giữa nhận thức và hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên trên thực tế của người dân trong khai thác/nuôi trồng thủy sản chưa hoàn toàn nhất quán. Vấn đề này có thể xuất phát từ nhiều lý do: Một là, người nông dân chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của các yêu cầu đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản và họ trả lời theo các mong đợi của xã hội nên phần nhận thức thể hiện tốt nhưng phần hành vi lại chưa tốt. Hai là, người nông dân chưa từ bỏ được một số thói quen trong khai thác/nuôi trồng thủy sản theo tư duy cũ, không còn phù hợp, chưa tập quen với những hành vi khai thác/nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu mới, đảm bảo VSMT và an toàn cho vật nuôi theo các tiêu chuẩn quy định. Ba là, do tâm lý chung là đặt sản lượng khai thác/nuôi trồng lên trên để đạt được lợi ích kinh tế nên người dân có thể dù biết là không nên làm nhưng vẫn thực hiện. Bốn là, do điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất chưa đủ để người dân khai thác/nuôi trồng thủy sản có thể đảm bảo tuân thủ quy trình sạch.

3.3. Giải pháp định hướng hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế cho cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng

- Giải pháp tuyên truyền, tập huấn

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức của người dân về khai thác/NTTS theo hướng an toàn vẫn còn nhiều hạn chế và có sự chưa nhất quán trong nhận thức và hành vi khai thác/NTTS của người dân ven biển huyện Nghĩa Hưng. Chính vì vậy việc tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, sự hiểu biết của người dân về khai thác/NTTS theo hướng an toàn, hiện đại, bền vững là quan trọng. Từ thay đổi nhận thức hướng đến thay đổi hành vi và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong khai thác/NTTS an toàn, có những hành vi ứng xử phù hợp hơn với môi trường tự nhiên trong hoạt động sinh kế của gia đình mình.

- Giải pháp về chính sách

Nhà nước cần xây dựng cơ chế, chính sách thỏa đáng để huy động, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khai thác/NTTS theo hướng bền vững. Bởi thực tế cho thấy hiện nay những hoạt động này chủ yếu theo quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu dẫn đến khó bắt nhịp với sự phát triển. Nhà nước nên có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khai thác/NTTS, tham gia xây dựng những vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Từ đó tạo ra liên kết bền vững giữa nông nghiệp với nông dân. Ngoài ra, Nhà nước nên củng cố khung pháp lý cho các doanh nghiệp xuất khẩu, chế biến thủy sản, có cơ chế khuyến khích hình thành các cơ sở chế biến thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn Quốc gia, khu vực và toàn cầu

trong đó trước tiên là ưu tiên về quỹ đất, về quy hoạch các cụm công nghiệp tập trung, về cơ chế cho vay vốn, tiếp cận trang thiết bị và công nghệ hiện đại.

- Giải pháp về tài chính

Cần có chính sách hỗ trợ về tài chính, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với những người dân khai thác/NTTS, đặc biệt là trong bối cảnh hậu Covid, khi tình hình sản xuất và tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Giá bán thủy sản thời gian qua bị giảm mạnh, chỉ ngang bằng với giá thành sản xuất khiến các hộ gia đình khai thác/NTTS gặp nhiều khó khăn. Nguyện vọng của người dân là được nâng hạn mức cho vay và thời gian vay vốn, giảm lãi suất cho vay để người dân yên tâm đầu tư cho sản xuất, nâng cao hiệu quả và thu nhập. Bên cạnh đó, có chính sách hỗ trợ rủi ro cho những thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh xảy ra trong quá trình khai thác/NTTS để giúp người dân giảm bớt những khó khăn.

- Giải pháp về quy hoạch

Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch khai thác/NTTS hiện nay ở Nghĩa Hưng vẫn còn một số bất cập, chưa phù hợp với thực tế và chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển. Tính khả thi của một số quy hoạch chưa cao, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý và quá trình khai thác/NTTS. Vì vậy, cần thiết phải có sự điều chỉnh, bổ sung hoặc làm mới các quy hoạch khai thác/NTTS để công tác quản lý được thực hiện tốt hơn. Công tác quy hoạch cần dựa trên cơ sở phân vùng sinh thái, phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước và xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tự nhiên, ngăn ngừa dịch bệnh và đảm bảo các quy chuẩn quy định trong khai thác/NTTS.

- Giải pháp về quản lý

Thực tế cho thấy, công tác quản lý khai thác/NTTS hiện nay ở Nghĩa Hưng có một số hạn chế dẫn đến sự phát triển ồ ạt, không theo quy hoạch gây khó khăn cho công tác quản lý và ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác/NTTS. Trên cơ sở đó, một số giải pháp về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với khai thác/NTTS được đưa ra như sau: Tăng cường giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, luật lệ, các tiêu chuẩn về kỹ thuật và công nghệ, môi trường thông qua việc tổ chức các hình thức tự quản lý, tăng cường đội ngũ thanh tra và hệ thống quan trắc NTTS; Tăng cường giám sát môi trường và quản lý dịch bệnh; Hoàn thiện các chế tài xử lý vi phạm và kiên quyết xử lý khi có vi phạm; Áp dụng và thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu cho hoạt động khai thác/NTTS; Tăng cường phối hợp đồng bộ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát công tác khai thác/NTTS với các lĩnh vực hoạt động khác của kinh tế nông nghiệp nông thôn ở địa phương./.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở: “Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của cư dân ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định: nhìn từ hoạt động sinh kế” do Viện Địa lý nhân văn chủ trì, ThS. Nguyễn Thị Hòa làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng thông tin điện tử huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (2023). Truy cập ngày 30/4/2023 tại <https://nghiahung.namdinh.gov.vn/gioi-thieu>
2. Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định (2021). *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022*.
3. Trần Thị Hồng Nhung (2018). Phát triển sinh kế nông nghiệp tại khu vực ven biển tỉnh Nam Định theo hướng bền vững. *Tạp chí khoa học HNUE*, 2018, Vol.63, Iss.1, pp.121-132.
4. UBND huyện Nghĩa Hưng (2020). *Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 15/9/2020 về Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021*.
5. UBND huyện Nghĩa Hưng (2021). *Báo cáo số 398/BC-UBND ngày 14/12/2021 về Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022*.
6. UBND huyện Nghĩa Hưng (2022). *Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 14/12/2022 về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023*.
7. UBND tỉnh Nam Định (2020). *Kế hoạch Triển khai Đề án hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định đến năm 2030*.

BIHAVIORAL CULTURE TO THE NATURAL ENVIRONMENT IN EXPLOITATION AND AQUACULTURE OF COASTAL RESIDENTS IN NGHIA HUNG DISTRICT, NAM DINH PROVINCE

Abstract: Nghia Hung district, Nam Dinh province has a natural area of 254.6km², flat terrain, cool climate all year round. The district has 12km of coastline, running along the coast are hundreds of hectares of sedges, thousands of hectares of parrots, aquaculture lagoons and 50 hectares of salt fields. The land is fertile and fertile, and the diurnal tide regime is an advantage in the district's agricultural production. With such characteristics, it can be seen that the livelihood of coastal residents in Nghia Hung district depends a lot on the natural environment. The livelihood activities of coastal residents such as agriculture, salt production, mining and aquaculture have contributed to ensuring food security and economic development for the locality. Through the livelihood activities of the coastal residents of Nghia Hung, we can see the culture and behavior of the people with the natural coastal environment here. In the framework of this article, the author studies the current status of fishing and aquaculture, the status of cultural behavior shown in the activities of utilizing and adapting to the natural environment and proposes some recommendations. behavior orientation solutions suitable to the natural environment in livelihood activities for coastal residents in Nghia Hung district.

Keywords: Behavioral culture, natural environment, exploitation and aquaculture, Nghia Hung district.